

BẢN YÊU CẦU BÁO GIÁ

Tên gói thầu: Dịch vụ vệ sinh công nghiệp khu vực văn phòng của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.

Phát hành: Ngày 23 tháng 01 năm 2026

Ban hành kèm theo Quyết định số: 52 /QĐ-CPNT2 ngày 24/01/2026

Bên mời thầu

NW [Ghi tên, đóng dấu (nếu có)] *thh*



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Hà

Chương I. YÊU CẦU NỘP BÁO GIÁ

Mục 1. Khái quát

1. Tên bên mời thầu là: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu Khí Nhơn Trạch 2
2. Bên mời thầu mời nhà thầu tham gia chào giá (nộp bảng báo giá) gói thầu Dịch vụ vệ sinh công nghiệp khu vực văn phòng của Công ty. Phạm vi công việc, yêu cầu của gói thầu nêu tại Chương II của bản yêu cầu báo giá này.
3. Loại hợp đồng: trọn gói.

Mục 2. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ để tham gia nộp báo giá gói thầu này khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;
2. Hạch toán tài chính độc lập;
3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;
4. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;
5. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

Mục 3. Năng lực kinh nghiệm của nhà thầu:

- Có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có ngành nghề phù hợp.

Nhà thầu có BBG đạt yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm được xem xét, đánh giá tiếp về kỹ thuật. Nhà thầu có BBG không đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm thì bị loại.

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Nhà thầu được đánh giá là đạt về kỹ thuật khi đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá sau đây:

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
I. Về phạm vi và khối lượng công việc			
1	Phạm vi công việc của gói thầu	Theo đúng yêu cầu tại Mục 2 Chương II – Yêu cầu đối với gói thầu tại YCBG	Không đúng yêu cầu tại Mục 2 Chương II – Yêu cầu đối với gói thầu tại YCBG

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
2	Thời gian và địa điểm thực hiện hợp đồng.	Theo đúng yêu cầu tại Mục 1, Chương II – Yêu cầu đối với gói thầu tại YCBG	Không đúng yêu cầu tại Mục 1, Chương II – Yêu cầu đối với gói thầu tại YCBG
II. Yêu cầu về kỹ thuật			
1	Các yêu cầu về kỹ thuật	Theo đúng yêu cầu tại Mục 3, Chương II – Yêu cầu đối với gói thầu tại YCBG	Không đúng yêu cầu tại Mục 3, Chương II – Yêu cầu đối với gói thầu tại YCBG
III. Yêu cầu khác			
1	Cam kết chuẩn bị thiết bị đầy đủ để thực hiện công việc	Có cam kết	Không có cam kết
2	Cam kết nhân sự được mua Bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo quy định của pháp luật trước khi thực hiện hợp đồng	Có cam kết	Không có cam kết

Nhà thầu có BBG đạt yêu cầu về kỹ thuật được xem xét, đánh giá tiếp về giá. Nhà thầu có BBG không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật thì bị loại

Mục 5. Tiêu chuẩn đánh giá về giá: Áp dụng Phương pháp giá thấp nhất:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu;

Bước 2. Sửa lỗi (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú (1));

Bước 3. Hiệu chỉnh sai lệch (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú (2));

Bước 4. Xác định giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có);

Bước 5. Xếp hạng nhà thầu: BBG có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có) và cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Ghi chú:

(1) Sửa lỗi:

Với điều kiện BBG đáp ứng căn bản YCBG, việc sửa lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá dự thầu. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành

tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá dự thầu có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi. Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của công việc này vào các công việc khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện hoàn thành các công việc này theo đúng yêu cầu nêu trong YCBG và không được Chủ đầu tư thanh toán trong quá trình thực hiện hợp đồng.

b) Các lỗi khác:

- Tại cột thành tiền đã được ghi đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá dự thầu tương ứng thì đơn giá dự thầu được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá dự thầu nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá dự thầu; nếu một nội dung nào đó có ghi đơn giá dự thầu và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá dự thầu của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong YCBG thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Bước 3;

- Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu nêu trong YCBG;

- Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu "," (dấu phẩy) thay cho dấu "." (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam. Khi Bên mời thầu cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá dự thầu rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của hạng mục sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá dự thầu sẽ được sửa lại;

- Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền;

- Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý.

(2) Hiệu chỉnh sai lệch:

a) Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá dự thầu tương ứng trong BBG của nhà thầu có sai lệch;

Trường hợp có sai lệch thiếu (thiếu hạng mục công việc so với yêu cầu về phạm vi cung cấp) mà không có đơn giá tương ứng trong BBG của nhà thầu có sai lệch thì thực hiện hiệu chỉnh sai lệch như sau:

Lấy mức đơn giá dự thầu cao nhất đối với hạng mục công việc mà nhà thầu chào thiếu trong số các BBG khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong BBG của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá dự thầu của công việc này thì lấy đơn giá trong dự toán được duyệt của gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

Trường hợp chỉ có một nhà thầu duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá dự thầu tương ứng trong BBG của nhà thầu này; trường hợp BBG của nhà thầu không có đơn giá dự thầu tương ứng thì lấy

mức đơn giá trong dự toán của gói thầu được duyệt làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

b) Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá dự thầu chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu.

Mục 6. Đơn chào hàng, giá chào và biểu giá

1. Nhà thầu phải nộp đơn chào hàng và Bảng báo giá theo Mẫu số 01, Mẫu số 03a, Mẫu số 03a(1) Chương III, các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong bản yêu cầu báo giá với đúng giá đã chào.

2. Giá chào là giá do nhà thầu ghi trong đơn chào hàng, bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói thầu trên cơ sở yêu cầu của bản yêu cầu báo giá, kể cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì báo giá của nhà thầu sẽ bị loại.

3. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì đề xuất riêng trong thư giảm giá hoặc có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng và bảo đảm bên mời thầu nhận được trước thời điểm hết hạn nộp báo giá. Trong đề xuất giảm giá, nhà thầu cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong phạm vi công việc. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục.

Mục 7. Thành phần Hồ sơ báo giá

Báo giá do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đơn chào hàng theo Mẫu số 01 Chương III;
2. Bảng báo giá theo Mẫu số 03a và 03a(1) Chương III;
3. Giấy phép đăng ký kinh doanh có ngành nghề phù hợp;
4. Giấy cam kết thực hiện đúng theo yêu cầu tại Chương II – Phạm vi công việc tổng thể tại YCBG;

Mục 8. Thời hạn hiệu lực của báo giá

Thời gian có hiệu lực của báo giá là 45 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu

Mục 9. Nộp, tiếp nhận, đánh giá báo giá

1. Nhà thầu phải nộp báo giá trực tiếp hoặc qua đường bưu điện, thư điện tử hoặc fax về địa chỉ: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu Khí Nhơn Trạch 2, ấp 3 xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai; số điện thoại 0251225899; Fax 0251225897; Email; info@pvnt2.com.vn không muộn hơn 15 giờ 00 phút ngày 28/01/2026. Các báo giá được gửi đến bên mời

thầu sau thời điểm hết hạn nộp báo giá sẽ không được xem xét.

2. Bên mời thầu chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong báo giá của từng nhà thầu. Ngay sau khi kết thúc thời hạn nộp báo giá, bên mời thầu lập văn bản tiếp nhận các báo giá bao gồm tối thiểu các nội dung: tên nhà thầu, giá chào, thời gian có hiệu lực của báo giá và gửi văn bản tiếp nhận này đến các nhà thầu đã nộp báo giá.

3. Bên mời thầu so sánh các báo giá theo bản yêu cầu báo giá. Trong quá trình đánh giá các báo giá, bên mời thầu có thể mời nhà thầu có giá chào thấp nhất đến thương thảo hợp đồng.

Mục 10. Điều kiện xét duyệt trúng thầu

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có báo giá đáp ứng tất cả các yêu cầu trong bản yêu cầu báo giá;
2. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá và sau khi tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất và không vượt dự toán gói thầu được duyệt.

Mục 11. Công khai kết quả lựa chọn nhà thầu

1. Kết quả lựa chọn nhà thầu sẽ được gửi đến tất cả nhà thầu tham dự chào hàng theo đường bưu điện, fax và được đăng tải trên info@pvnt2.com.vn.

2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, nếu có nhà thầu không trúng thầu gửi văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong vòng 05 ngày làm việc nhưng trước ngày ký kết hợp đồng, bên mời thầu sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà thầu.

Mục 12. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

Trước khi hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu trúng thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng như sau:

- Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được nộp cho Chủ đầu tư không muộn hơn 07 ngày làm việc kể từ ngày Chủ đầu tư phát hành văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu và được gửi đến các nhà thầu tham dự.

- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Thư bảo lãnh do tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành hoặc đặt cọc bằng hình thức chuyển khoản (Tên: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2, số tài khoản: 006704070001112, ngân hàng: TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh - Chi nhánh Cộng Hòa).

- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 02 % (hai phần trăm) giá hợp đồng.

- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực bằng thời gian thực hiện hợp đồng cộng thêm 15 ngày.

- Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho bên mời thầu (gọi tắt là Bên A) khi nhà thầu (gọi tắt là Bên B) không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo hợp đồng làm phát sinh thiệt hại cho Bên A; Bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

- Bên A phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên B trong thời hạn: 15 ngày kể từ khi Bên B hoàn thành toàn bộ công việc được giao, được Bên A ký biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc.

Mục 13. Giải quyết kiến nghị

Nhà thầu có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng theo quy định pháp luật đấu thầu hiện hành.

Chương II. PHẠM VI, YÊU CẦU CỦA GÓI THẦU

Phạm vi công việc gói thầu Dịch vụ vệ sinh công nghiệp khu vực văn phòng của Công ty sau đây bao gồm nhưng không hạn chế trách nhiệm của Nhà thầu trong việc thực hiện công tác vệ sinh công nghiệp khu vực văn phòng của Công ty nhằm đảm bảo công tác an toàn, chất lượng, tiến độ thi công và công tác vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ..vv.

Mục 1: Giới thiệu về gói thầu

a. Phạm vi công việc của gói thầu: Dịch vụ vệ sinh công nghiệp khu vực văn phòng của Công ty.

b. Thời hạn thực hiện hợp đồng: 45 ngày, trong đó thời gian thực hiện gói thầu là không quá 30 ngày kể từ ngày ký hợp đồng và bên A (bên mời thầu Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2) lập biên bản bàn giao mặt bằng cho bên B (Nhà thầu).

c. Địa điểm thực hiện hợp đồng:

- Địa điểm thực hiện: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (Địa chỉ: Trung tâm Điện lực Dầu khí, Xã Đại Phước, Tỉnh Đồng Nai; Điện thoại: (84-251) 2225899 - Fax: (84-251) 2225 897).

Mục 2. Phạm vi và khối lượng

3.1 Phạm vi công việc:

Chi tiết công tác vệ sinh công nghiệp các khu vực cụ thể như sau:

- Bụi bẩn và các vết ố trên hệ thống khung, vách kính và tấm Aluminium phải được vệ sinh, tẩy sạch hoàn toàn bằng hóa chất chuyên dụng, đảm bảo kính luôn sáng trong và hạn chế ố, bám bụi trở lại lên bề mặt kính, Aluminium;
- Đối với các vết ố bám kết trên hệ thống khung, vách kính và Alu phải được tẩy sạch bằng hóa chất và các dụng cụ chuyên dụng. Tuyệt đối không được sử dụng các vật dụng sắc nhọn, cứng làm trầy xước bề mặt kính, tấm Alu;
- Đối với các vị trí tiếp giáp giữa các khung bao cửa nhựa lõi thép với tường nhà bị hờ keo gây thấm nước vào nhà: Kiểm tra chi tiết trong quá trình vệ sinh, tẩy lớp keo bị bong tróc và bắn lại keo A500 vào các vị trí keo bị hờ;
- Công tác vệ sinh chà sàn nhà yêu cầu sử dụng nước tẩy rửa chuyên dụng, phù hợp với tầng vết dơ bẩn bám trên bề mặt nền nhà; sử dụng máy chà sàn phù hợp với tầng vị trí để thực hiện.

3.2 Khối lượng thực hiện:

STT	NỘI DUNG	ĐVT	KL
I	Nhà Hành chính		
1	Vệ sinh vách kính trong và ngoài nhà	M ²	1.958

2	Vệ sinh tấm Aluminium	M ²	224
3	Bảo trì, sửa chữa bắt silicone tiếp giáp giữ các tấm kính	Md	945
4	Vệ sinh, sử dụng nước tẩy rửa chuyên dụng chà nền nhà	M ²	3.756
II	Nhà Điều khiển trung tâm		
1	Vệ sinh vách kính trong và ngoài nhà	M ²	892
2	Vệ sinh tấm Aluminium	M ²	399
3	Bảo trì, sửa chữa bắt silicone tiếp giáp giữ các tấm kính	Md	227
4	Vệ sinh, sử dụng nước tẩy rửa chuyên dụng chà nền nhà	M ²	614
III	Nhà canteen		
1	Vệ sinh vách kính trong và ngoài nhà	M ²	174
2	Bảo trì, sửa chữa bắt silicone tiếp giáp giữ các tấm kính	Md	146

Mục 3. Yêu cầu kỹ thuật:

3.1 Yêu cầu chung

- Cung cấp Biện pháp thi công trong quá trình làm việc trên cao (dưới 20m)
- Cung cấp Hồ sơ về con người khi làm việc trên cao (dưới 20m): Tối thiểu 03 nhân công có thể an toàn lao động, có giấy khám sức khỏe định kỳ 6 tháng 1 lần theo quy định về làm việc trên cao và có giấy chứng nhận đu dây (nếu thi công bằng biện pháp đu dây).
- Cung cấp Hồ sơ về thiết bị: Nếu thi công bằng biện pháp đu dây yêu cầu phải có kiểm định thiết bị đu theo quy định.
- Cam kết có đầy đủ nhân sự và thiết bị để thực hiện gói thầu.
- Cam kết nhân sự được mua Bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo quy định của pháp luật trước khi thực hiện hợp đồng.

3.2 Yêu cầu về công tác an toàn và vệ sinh môi trường:

- Công tác đảm bảo an toàn trong quá trình thực hiện công việc vệ sinh hệ thống vách kính, tấm Aluminium và vệ sinh sàn nhà các văn phòng của Công ty thuộc trách nhiệm của nhà thầu. Tuy nhiên, yêu cầu nhà thầu trình biện pháp an toàn cho chủ đầu tư xem xét.
- Trong quá trình thi công trên cao, nhà thầu cần phải nghiêm túc thực hiện và đưa ra các biện pháp nhằm đảm bảo công tác an toàn tuyệt đối khi thi công.
- Đặt các biển báo công trường đang thi công, giăng dây cảnh báo an toàn các vị trí thi công sửa chữa đảm bảo an toàn tuyệt đối cho con người đi lại xung quanh.

- Bố trí người hướng dẫn và cảnh báo vị trí trọng điểm (con người thường qua lại) đang thi công nhằm đảm bảo công tác an toàn tuyệt đối.
- Trong quá trình thi công, nhà thầu phải luôn chú trọng công tác vệ sinh môi trường đảm bảo môi trường xung quanh luôn sạch sẽ cũng như đảm bảo an toàn cho con người khi đi qua khu vực thi công.

Chương III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO HÀNG

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

Tên gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu theo thông báo mời chào hàng]

Tên dự án: _____ [Ghi tên dự án]

Kính gửi: [Điền tên đầy đủ của bên mời thầu]

Sau khi nghiên cứu bản yêu cầu báo giá và văn bản sửa đổi bản yêu cầu báo giá số _____ [Ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, _____ [Ghi tên nhà thầu], cam kết thực hiện gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] theo đúng yêu cầu của bản yêu cầu báo giá với tổng số tiền là _____ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền] cùng với biểu giá kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng là _____ [Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu].

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một báo giá này với tư cách là nhà thầu chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
4. Không vi phạm các hành vi bị cấm trong đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

Nếu báo giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của bản yêu cầu báo giá.

Báo giá này có hiệu lực trong thời gian _____ ngày, kể từ ngày _____ [Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm đóng thầu].

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO

STT	Nội dung	Giá chào
1	Dịch vụ vệ sinh công nghiệp khu vực văn phòng của Công ty	
Giá chào theo số lượng chưa bao gồm thuế:		
Thuế VAT		
Tổng cộng giá chào theo số lượng đã bao gồm thuế, phí: <i>(Kết chuyển sang đơn chào hàng)</i>		

Đại diện hợp pháp của nhà thầu*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

BIỂU PHẠM VI CUNG CẤP, GIÁ CHÀO

STT	NỘI DUNG	ĐVT	KL	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)
I	Nhà Hành chính				
1	Vệ sinh vách kính trong và ngoài nhà	M ²	1.958		
2	Vệ sinh tấm Aluminium	M ²	224		
3	Bảo trì, sửa chữa bắt silicone tiếp giáp giữ các tấm kính	Md	945		
4	Vệ sinh, sử dụng nước tẩy rửa chuyên dụng chà nền nhà	M ²	3.756		
II	Nhà Điều khiển trung tâm				
1	Vệ sinh vách kính trong và ngoài nhà	M ²	892		
2	Vệ sinh tấm Aluminium	M ²	399		
3	Bảo trì, sửa chữa bắt silicone tiếp giáp giữ các tấm kính	Md	227		
4	Vệ sinh, sử dụng nước tẩy rửa chuyên dụng chà nền nhà	M ²	614		
III	Nhà canteen				
1	Vệ sinh vách kính trong và ngoài nhà	M ²	174		
2	Bảo trì, sửa chữa bắt silicone tiếp giáp giữ các tấm kính	Md	146		
Tổng cộng					
Thuế VAT					
Tổng cộng đã bao gồm thuế VAT					

Đại diện hợp pháp của nhà thầu*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]***Ghi chú:**

Đơn giá tại cột (3) bao gồm các chi phí cần thiết để thực hiện công việc theo yêu cầu của bên mời thầu, trong đó bao gồm các phí, lệ phí (nếu có) nhưng chưa bao gồm thuế VAT

Chương IV. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____

Gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu]

Thuộc dự án: _____ [Ghi tên dự án]

- Căn cứ⁽¹⁾ ____ [Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14/6/2005];

- Căn cứ⁽²⁾ ____ [Luật đấu thầu số 43/2013/QH13];

- Căn cứ⁽²⁾ ____ [Nghị định số 63/2014/NĐ-CP];

- Căn cứ ____ [căn cứ tính chất, yêu cầu của các gói thầu mà quy định các căn cứ pháp lý cho phù hợp];

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] của ____ [Ghi tên chủ đầu tư/bên mời thầu] và thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của bên mời thầu;

- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được bên mời thầu và nhà thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư/bên mời thầu (sau đây gọi là Bên A)

Tên chủ đầu tư/bên mời thầu [Ghi tên chủ đầu tư/bên mời thầu]: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu [Ghi tên nhà thầu trúng thầu]: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền) hoặc các tài liệu khác có liên quan.

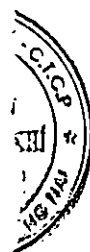
Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Bên A giao cho Bên B thực hiện công việc vệ sinh công nghiệp khu vực văn phòng của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 cụ thể như sau:

1. Khối lượng thực hiện:

STT	NỘI DUNG	ĐVT	KL
I	Nhà Hành chính		
1	Vệ sinh vách kính trong và ngoài nhà	M ²	1.958
2	Vệ sinh tấm Aluminium	M ²	224
3	Bảo trì, sửa chữa bắt silicone tiếp giáp giữ các tấm kính	Md	945
4	Vệ sinh, sử dụng nước tẩy rửa chuyên dụng chà nền nhà	M ²	3.756
II	Nhà Điều khiển trung tâm		
1	Vệ sinh vách kính trong và ngoài nhà	M ²	892
2	Vệ sinh tấm Aluminium	M ²	399
3	Bảo trì, sửa chữa bắt silicone tiếp giáp giữ các tấm kính	Md	227
4	Vệ sinh, sử dụng nước tẩy rửa chuyên dụng chà nền nhà	M ²	614
III	Nhà canteen		
1	Vệ sinh vách kính trong và ngoài nhà	M ²	174
2	Bảo trì, sửa chữa bắt silicone tiếp giáp giữ các tấm kính	Md	146



2. Yêu cầu kỹ thuật:

Bụi bẩn và các vết ố trên hệ thống khung, vách kính và tấm Aluminium phải được vệ sinh, tẩy sạch hoàn toàn bằng hóa chất chuyên dụng, đảm bảo kính luôn sáng trong và hạn chế ố, bám bụi trở lại lên bề mặt kính, Aluminium;

Đối với các vết ố bám kết trên hệ thống khung, vách kính và Alu phải được tẩy sạch bằng hóa chất và các dụng cụ chuyên dụng. Tuyệt đối không được sử dụng các vật dụng sắc nhọn, cứng làm trầy xước bề mặt kính, tấm Alu;

Đối với các vị trí tiếp giáp giữa các khung bao cửa nhựa lõi thép với tường nhà bị hở keo gây thấm nước vào nhà: Kiểm tra chi tiết trong quá trình vệ sinh, tẩy lớp keo bị bong tróc và bắn lại keo A500 vào các vị trí keo bị hở;

Công tác vệ sinh chà sàn nhà yêu cầu sử dụng nước tẩy rửa chuyên dụng, phù hợp với tầng vết dơ bẩn bám trên bề mặt nền nhà; sử dụng máy chà sàn phù hợp với tầng vị trí để thực hiện.

4 Công tác an toàn và vệ sinh môi trường:

Công tác đảm bảo an toàn trong quá trình thực hiện công việc vệ sinh hệ thống vách kính, tấm Aluminium và vệ sinh sàn nhà các văn phòng của Công ty thuộc trách nhiệm của nhà thầu. Tuy nhiên, yêu cầu nhà thầu trình biện pháp an toàn cho chủ đầu tư xem xét.

Trong quá trình thi công trên cao, nhà thầu cần phải nghiêm túc thực hiện và đưa ra các biện pháp nhằm đảm bảo công tác an toàn tuyệt đối khi thi công.

Đặt các biển báo công trường đang thi công, giăng giây cảnh báo an toàn các vị trí thi công sửa chữa đảm bảo an toàn tuyệt đối cho con người đi lại xung quanh.

Bố trí người hướng dẫn và cảnh báo vị trí trọng điểm (con người thường qua lại) đang thi công nhằm đảm bảo công tác an toàn tuyệt đối.

Trong quá trình thi công, nhà thầu phải luôn chú trọng công tác vệ sinh môi trường đảm bảo môi trường xung quanh luôn sạch sẽ cũng như đảm bảo an toàn cho con người khi đi qua khu vực thi công.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phụ lục);
2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
4. Bảng báo giá (BBG) và các văn bản làm rõ BBG của nhà thầu trúng thầu (nếu có);
5. Yêu cầu báo giá (YCBG) và các tài liệu sửa đổi, làm rõ YCBG (nếu có);
6. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng và phương thức thanh toán nêu tại Điều 5 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được nêu trong hợp đồng.

Bên A cử người kiểm tra, giám sát và ký nghiệm thu hoàn thành công việc.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

Bên B cam kết thực hiện công việc cho Bên A đầy đủ dịch vụ liên quan như nêu tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong hợp đồng.

Trong quá trình thi công, Bên B chịu hoàn toàn trách nhiệm những thiệt hại về tài sản của bên A mà bên B gây ra.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: đồng

(Bằng chữ: ...).

Giá trên đã bao gồm toàn bộ các chi phí, lệ phí khác có liên quan để bên B thực hiện toàn bộ công việc theo quy định của hợp đồng

2. Phương thức thanh toán:

a) Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

b) Thời hạn thanh toán: Trong vòng 15 ngày sau khi nhận được các chứng từ thanh toán do bên B cung cấp gồm có:

- Bản gốc Công văn đề nghị thanh toán;
- Hóa đơn điện tử của bên B theo quy định của Bộ Tài Chính;
- Bản gốc Biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc;
- Bản gốc Biên bản Quyết toán và thanh lý hợp đồng.

c) Số lần thanh toán: 01 lần với 100% giá trị hợp đồng.

Điều 6. Loại hợp đồng: Trọn gói

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng

Thời gian thực hiện hợp đồng: Trong vòng 30 ngày kể từ khi hợp đồng được hai bên ký kết.

Điều 7. Địa điểm thực hiện hợp đồng

Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2, ấp 3, xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai.

Điều 9. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Bên B phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu sau:

- Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được nộp cho Chủ đầu tư không muộn hơn 07 ngày làm việc kể từ ngày Chủ đầu tư phát hành văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu và được gửi đến các nhà thầu tham dự.
- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Nhà thầu có thể chọn các hình thức bảo

đảm thực hiện hợp đồng như đặt cọc bằng hình thức chuyển khoản (Tên: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2, số tài khoản: 006704070001112, ngân hàng: TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh - Chi nhánh Cộng Hòa) hoặc thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng hợp pháp đang hoạt động tại Việt Nam.

- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 02 % (hai phần trăm) giá hợp đồng.

- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực bằng thời gian thực hiện hợp đồng cộng thêm 15 ngày.

2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Bên A khi Bên B không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo hợp đồng làm phát sinh thiệt hại cho Bên A; Bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

3. Bên A phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên B trong thời hạn: 15 ngày kể từ khi hàng hóa được bàn giao, Bên B được ký biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc và thanh lý, quyết toán hợp đồng.

Điều 10. Chấm dứt hợp đồng

1. Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

a) Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;

b) Bên B bị phá sản, giải thể;

c) Các hành vi khác (nếu có).

2. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm a khoản 1 Điều này, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng mà Bên B đã không thực hiện. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng mà mình đang thực hiện và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng đó.

3. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm b khoản 1 Điều này, Bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

Điều 11. Vật tư, máy móc, thiết bị

Nhà thầu phải đảm bảo tất cả vật tư, máy móc, thiết bị sử dụng cho công trình đáp ứng đúng yêu cầu kỹ thuật và được kiểm định theo quy định của pháp luật.

Chủ đầu tư sẽ kiểm tra vật tư, máy móc, thiết bị tại nơi khai thác, nơi sản xuất hoặc tại công trường vào bất kỳ thời điểm nào.

Nhà thầu phải đảm bảo bố trí cán bộ và các điều kiện cần thiết cho việc kiểm tra vật tư, máy móc, thiết bị nêu trên.

Điều 12. Giải quyết tranh chấp

1. Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

2. Trong trường hợp không giải quyết được bằng thương lượng, những vấn đề tranh chấp sẽ được đưa ra trước tòa dân sự tỉnh Đồng Nai phân xử, phán quyết của Tòa án là kết luận cuối cùng. Bên nào thua kiện sẽ chịu mọi chi phí cho việc xét xử

Điều 13. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày được hai bên ký kết.
2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành 04 bộ, Bên A giữ 03 bộ, Bên B giữ 01 bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN B

ĐẠI DIỆN BÊN A

**PHỤ LỤC
BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG**

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày _____ tháng _____ năm _____)

[Phụ lục này được lập trên cơ sở bản yêu cầu báo giá, báo giá của nhà thầu và những thỏa thuận đạt được trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, bao gồm các nội dung trong Biểu giá theo Mẫu số 03a (bao gồm Mẫu số 03a(1), Mẫu số 03a(2)) hoặc Mẫu số 03b trong bản yêu cầu báo giá này].

MẪU BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG⁽¹⁾

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____[Ghi tên chủ đầu tư/bên mời thầu]

(sau đây gọi là chủ đầu tư/bên mời thầu)

Theo đề nghị của ____[Ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là nhà thầu) là nhà thầu đã trúng thầu gói thầu ____[Ghi tên gói thầu] và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cung cấp hàng hoá cho gói thầu trên (sau đây gọi là hợp đồng);⁽²⁾

Theo quy định trong bản yêu cầu báo giá (hoặc hợp đồng), nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư/bên mời thầu bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, ____[Ghi tên của ngân hàng] có trụ sở đăng ký tại ____[Ghi địa chỉ của ngân hàng⁽³⁾] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là ____[Ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại hợp đồng]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho chủ đầu tư/bên mời thầu bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn ____[Ghi số tiền bảo lãnh] như đã nêu trên, khi có văn bản của chủ đầu tư/bên mời thầu thông báo nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____⁽⁴⁾.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Chỉ áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập theo pháp luật Việt Nam.

(2) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì bên mời thầu sẽ báo cáo chủ đầu tư/bên mời thầu xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của ____[Ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là nhà thầu) là nhà thầu trúng thầu gói thầu ____[Ghi tên gói thầu] đã ký hợp đồng số ____[Ghi số hợp đồng] ngày ____ tháng ____ năm ____ (sau đây gọi là Hợp đồng).”

(3) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(4) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại hợp đồng.

